TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-PT
Ngày: 18/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Đặng Văn Ý

Thư ký phiên tòa: Bà Ức Minh Thanh Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Hà Văn Hừng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2011/TLPT-DS ngày 15 tháng 08 năm 2011về việc: "*Tranh chấp thừa kế theo pháp luật*";

Do bản án dân sự sơ thẩm số 3475/2009/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2018/QĐPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn:

1.1/ Bà Trần Tuấn A, sinh năm 1946 (có mặt);

1.2/ Ông Nguyễn Hoàng Anh D, sinh năm 1967 (vắng mặt);

1.3/ Bà Nguyễn Hoàng Anh T, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 492 (lầu 5, phòng 110) NTMK, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Nguyễn Đạt TR, Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2/Bị đơn:

Ông Đặng Thành X, sinh năm 1932 (đã chết);

Địa chỉ: 3A (115) LHP, phường H, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện của ông Đặng Thành X (giấy ủy quyền ghi ngày 18/04/2008):

Bà Trần Thị Hiền, sinh năm 1955 (có mặt);

Địa chỉ: 3A (115) LHP, phường H, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật sư Trần Cẩm CH, Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Bà Đặng Thị Lệ H, sinh năm 1951 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 9, xã TTĐ, huyện CC, thành phố Hồ Chí Minh.

3.2/ Ông Đặng Thành C, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: 109 (1A) LHP, phường H, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

3.3/ Ông Đặng Thành D1, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: 113/4 (3/4) LHP, phường H, quận N, thành phố Hồ Chí Minh

3.4/ Ông Trương Quang T1, sinh năm 1925 (vắng mặt);

Địa chỉ: 113/2 (3/2) LHP,, phường H, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

3.5/ Ông Trương Hoàng T2, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: 113/1 (3/1) LHP, phường H, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6/ Ông Trương Hoàng T3, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: 113 LHP, phường H, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

3.7/ Ông Trương Hoàng L, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: 3/2 LHP, phường H, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

3.8/ Ông Phan Ngọc T4, sinh năm 1973 (vắng mặt);

3.9/ Bà Phan Thị Ngọc T5, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 26 (khu tạm cư) PVH, phường MB, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

3.10/ Ông Đào Văn C1, sinh năm 1970 (vắng mặt);

3.11/ Ông Đào Thanh S, sinh năm 1998 (vắng mặt);

3.12/ Chị Đào Minh H1, sinh năm 2002 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 174/5 TBT, phường B, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

3.13/ Bà Nguyễn Kim S1 (vắng mặt);

Địa chỉ: Villemomble số 8, đường Denis, Papin – France.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Kim S1 (giấy ủy quyền ghi ngày 30/06/2011):

Bà Trần Tuấn A, sinh năm 1946 (có mặt);

Địa chỉ: 492 (lầu 5, phòng 110) NTMK, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Vợ chồng ông Đặng Châu T6 (chết năm vào năm 1969)-bà Nguyễn Thị C2 (chết vào năm 1956) có 05 người con chung, kể tên như sau:

-Bà Đặng Thị T7;

-Bà Đặng Thị T8;

-Ông Đặng Tấn L1;

-Bà Đặng Thị A1;

-Ông Đặng Thành X.

Khi chết, ông Đặng Châu T6 và bà Nguyễn Thị C2 đều không có di chúc.

Bà Đặng Thị T7 (chết), có người con là Nguyễn Anh K (chết vào năm 2007); ông Nguyễn Anh K có vợ là bà Trần Tuấn A và có 03 người con là ông Nguyễn Hoàng Anh D, bà Nguyễn Hoàng Anh T và bà Nguyễn Hoàng Anh T10 (bà Nguyễn Hoàng Anh T10 chết vào năm 2008, có chồng là ông Đào Văn C1 và các người con là Đào Thanh S và Đào Minh H1).

Bà Đặng Thị T8 chết khi chưa có chồng và con.

Ông Đặng Tấn L1 có người vợ là bà Nguyễn Kim S1, hiện nay đang ở nước Pháp. Vợ chồng ông Đặng Tấn L1- Nguyễn Kim S1 có hai người con là bà Đặng Thị Lệ H và ông Đặng Phước T9 (ông Đặng Phước T9 đã chết, có hai người con là

bà Phan Thị Ngọc T5 và ông Phan Ngọc T4; vợ ông T9 bỏ đi lấy chồng khác, không biết địa chỉ).

Bà Đặng Thị A1 (chết năm 2008), có chồng là ông Trương Quang T1 và có 03 người con là ông Trương Hoàng T2, ông Trương Hoàng T3 và ông Trương Hoàng L.

Di sản của ông Đặng Châu T11-bà Nguyễn Thị C2 để lại gồm có 07 căn nhà cùng ở đường LHP, phường H, quận N, thành phố Hồ Chí Minh, kể ra như sau:

-Căn nhà số 109 (số cũ 1A) ông Đặng Thành C đang sử dụng;

-Căn nhà số 113 (số cũ 1C) ông Trương Hoàng T3 đang sử dụng;

-Căn nhà số 115 (số cũ 3A) ông Đặng Thành X đang sử dụng.

-Căn nhà số113/1 (số cũ 3/1) ông Trương Hoàng T2 đang sử dụng;

-Căn nhà số 113/2 (số cũ 3/2) ông Trương Hoàng T3 đang sử dụng;

-Căn nhà số 113/4 (số cũ 3/4) ông Đặng Thành D1 đang sử dụng;

-Căn nhà số 113/5 (số cũ 3/5) bà Hằng đã bán là 365.632.000 đồng;

Tổng giá trị của 6 căn nhà nói trên là 2.309.260.900 đồng.

Nay bà Trần Tuấn A yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất tại 07 căn nhà trên làm 04 phần cho bà Thời, ông Lập, bà Anh và ông Xuân được hưởng theo pháp luật. Nếu không tính căn nhà số 3/5 LHP mà bà Hằng (là một người con của ông Lập) đã bán, thì chia làm 3 phần thừa kế mà không tính phần của ông Lập.

Bị đơn ông Đặng Thành X trình bày ý kiến như sau:

Ông Tuấn-bà Chẩn có 04 người con là Đặng Thị T8, Đặng Tấn L1, Đặng Thị A1 và Đặng Thành X. Di sản của ông Tuấn-bà Chẩn để lại gồm 11 căn nhà, đã bán 04 căn, hiện nay còn 07 căn nhà.

Trước đây, 04 anh em của ông Xuân (bà Thạnh, ông Lập, bà Anh và ông Xuân) đã tự thỏa thuận phân chia tài sản của cha mẹ để lại vào năm 1990, không phân chia cho ông Kiệt (ông Kiệt là chồng của bà Tuấn Anh), vì ông Kiệt đã được cho người khác nuôi. Nay bà Anh (là vợ của ông Kiệt) yêu cầu chia di sản thừa kế thì ông Xuân không đồng ý vì nguyên đơn không có quyền khởi kiện; nếu chia thì chỉ chia giá trị quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến như sau:

Bà Đặng Thị Lệ H trình bày:

Bà Hằng là con ông Đặng Tấn L1. Bà Hằng có nghe nói rằng ông Nguyễn Anh K là con cô Hai (tức bà Đặng Thị T7). Vào năm 1990 bà Đặng Thị T8, bà Đặng Thị A1 và ông Đặng Thành X có ký giấy đồng ý cho bà Hằng bán căn nhà số 3/5 LHP. Khi bán nhà, trong gia đình chỉ nói cho bà Hằng chứ không nói gì về quyền thừa kế. Bà Hằng nghĩ rằng mọi người đều biết căn nhà đó là căn nhà cho ông Đặng Tấn L1 (khi đó ông Lập đã chết). Khi bán nhà, ông Kiệt không biết. Sau khi bán nhà, bà Hằng có đưa cho ông Xuân 09 chỉ vàng 24k, bà Anh 01 lượng vàng 24k. Lúc này, bà Phan Thị Ngọc Trang và ông Phan Ngọc T4 (hai người con của ông Đặng Phước T9) đang sống với bà Thạnh; khi bà Thạnh bán nhà cũng cho bà Trang và ông Trí một số tiền vì bà Thạnh độc thân.

Nay bà Hằng không yêu cầu chia thừa kế nữa. Bà Hằng thừa nhận rằng phần nhà mà bà Hằng đã bán trước đây, xem như đã chia cho ông Lập. Phần của bà Trang và ông Trí (cháu nội ông Lập) thì bà Hằng đã giải quyết xong. Bà Hằng yêu cầu vắng mặt trong quá trình tố tụng tại tòa án.

Bà Phan Thị Ngọc T5 và ông Phan Ngọc T4 trình bày ý kiến như sau:

Các đương sự đồng ý với ý kiến của bà Hằng về việc tự giải quyết phần thừa kế của ông Lập và không có yêu cầu gì thêm; các đương sự cũng yêu cầu được vắng mặt tham gia tố tụng tại tòa án. Cha của các đương sự (là ông T9) đã chết, còn mẹ của các đương sự đã lập gia đình khác, hiện nay không biết địa chỉ, từ nhỏ bà Trang và ông Trí sống cùng với cô ruột là bà Đặng Thị T8.

Ông Trương Quang T1, Trương Hoàng T3, Trương Hoàng T2 và Trương Hoàng L trình bày ý kiến như sau:

Cha mẹ tôi là Trương Quang T1 và bà Đặng Thị A1 có 03 người là Trương Hoàng T3, Trương Hoàng T2 và Trương Hoàng L. Ông bà ngoại tôi có 04 người còn và 01 người con riêng, có 07 căn nhà như bà Tuấn Anh trình bày. Nay bà Tuấn Anh yêu cầu chia thừa kế, chúng tôi không đồng ý chia cho bà Thời; nếu chia thì chia 06 căn nhà cho 03 người là ông Xuân, bà Anh (Đặng Thị A1) và ông Lập. Ông Lập có con là bà Hằng đã nhận tài sản rồi nên không chia, vẫn bảo lưu tờ thuận phân năm 1990. Nếu bà Tuấn Anh vẫn kiện thì chia theo pháp luật. Căn nhà

3/1 (113/1) đã có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho ông Thiện, 02 căn nhà 111 (bà Thạnh đã bán và đã chết) căn nhà này do công sức của mẹ chúng tôi đi đòi lại nên yêu cầu được hưởng 50% giá trị tài sản trước khi chia và không đóng tiền phản tố cho yêu cầu này.

Ông Đặng Thành C, ông Đặng Thành D1 trình bày ý kiến như sau:

Chúng tôi là con ông Xuân, đồng ý với ý kiến mà bị đơn trình bày. Chúng tội hiện đang ở tại căn nhà 109 LHP, phường H, quận N, thành phố Hồ Chí Minh và có ý kiến giữ nguyên bản thuận phân năm 1990, không chấp nhận chia thừa kế theo yêu cầu của bà Trần Tuấn A. Việc ông Thiện yêu cầu công sức của mẹ ông Thiện được hưởng 50% giá trị tài sản trước khi chia là không có căn cứ.

Ông Đào Văn C1 (là chồng bà Nguyễn Hoàng Anh T10), Đào Thanh S và Đào Minh H1 là con của bà Trang, cùng có ý kiến đồng ý với ý kiến của nguyên đơn.

Bà Nguyễn Kim S1 đang ở nước ngoài; tòa án đã thựa hiện ủy thác tư pháp 2 lần nhưng không có kết quả.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 3475/2009/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2009, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Căn cứ Khoản 5 Điều 25, Điều 34, Điều 201, 245 khoản 1 Điều 132 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2004;

Căn cứ các Điều 674, 675, 676, 677 và Khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2004/HĐTP ngày 10/08/2004 của Hội đồng Thẩm phán-Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án Dân sự, Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về Pháp lệnh Thừa kế năm 1990;

Tuyên xử:

Chấp nhận khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Trần Tuấn A, ông Nguyễn Hoàng Anh D, bà Nguyễn Hoàng Anh T vì có căn cứ;

Không chấp nhận yêu cầu được nhận nhà của bà Trần Tuấn A vì không có căn cứ.

Ông Đặng Châu T6 và bà Nguyễn Thị C2 có 05 người con là: Đặng Thị T8, Đặng Tấn L1, Đặng Thị A1, Đặng Thành X và Đặng Thị T7.

Về tài sản gồm có 6 căn nhà đều ở đường LHP, phường H, quận N thành phố Hồ Chí Minh là của ông Đặng Châu T6 và bà Nguyễn Thị C2 tạo dựng như sau:

1/ Căn nhà số 109 (số cũ 1A) ông Đặng Thành C đang sử dụng.

2/ Căn nhà số 113 (số cũ 1C) ông Trương Hoàng T3 đang sử dụng.

3/ Căn nhà số 115 (số cũ 3A) ông Đặng Thành X đang sử dụng.

4/ Căn nhà số113/1 (số cũ 3/1) ông Trương Hoàng T2 đang sử dụng.

5/ Căn nhà số 113/2 (số cũ 3/2) ông Trương Hoàng T3 đang sử dụng.

6/ Căn nhà số 113/4 (số cũ 3/4) ông Đặng Thành D1 đang sử dụng.

Buộc chồng và các con bà Đặng Thị A1 là ông Trương Quang T1, Trương Hoàng T3, Trương Hoàng T2 và Trương Hoàng L phải chịu liên đới thanh toán lại cho bà Trần Tuấn A, ông Nguyễn Hoàng Anh D, bà Nguyễn Hoàng Anh T số tiền 503.333 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Đặng Thành X, ông Đặng Thành C, ông Đặng Thành D1 liên đới thanh toán cho bà Trần Tuấn A, ông Nguyễn Hoàng Anh D, bà Nguyễn Hoàng Anh T số tiền 700.078.966 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Đặng Thành X, ông Đặng Thành C, ông Đặng Thành D1 liên đới thanh toán cho chồng, các con bà Đặng Thị A1 là ông Trương Quang T1, Trương Hoàng T3, Trương Hoàng T2 và Trương Hoàng L số tiền 1.465.466 đồng ngay khi án có hiệu lực.

Tạm giao căn nhà số căn nhà số 109 (số cũ 1A) ông Đặng Thành C, Căn nhà số 115 (số cũ 3A) ông Đặng Thành X và căn nhà căn nhà số 113/4 (số cũ 3/4) ông Đặng Thành D1 quản lý, sử dụng và sở hữu.

Tạm giao căn nhà 113 (số cũ 1C) cho ông Trương Hoàng T3, căn nhà số 113/1 (số cũ 3/1) cho ông Trương Hoàng T2 và căn nhà số 113/2 (số cũ 3/2) cho ông Trương Hoàng T3 quản lý, sử dụng và sở hữu.

Sau khi đã thanh toán xong tiền cho bà Trần Tuấn A và các con của ông Kiệt,

các ông Đặng Thành X, ông Đặng Thành C, ông Đặng Thành D1 tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hợp thức hóa căn nhà trên theo quy định.

Ông Trương Quang T1, Trương Hoàng T3, Trương Hoàng T2, và Trương Hoàng L tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hợp thức hóa căn nhà trên theo quy định sau khi án có hiệu lực.

Chấp nhận yêu cầu của bà Hằng (con ông Lập) đã nhận thừa kế, không yêu cầu xem xét lại.

Bác bỏ một phần yêu cầu của bà Trần Tuấn A đòi tiền ông Lập mượn vì không có căn cứ, tách ra thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

Bác bỏ một phần yêu cầu của con bà Đặng Thị A1 đòi tiền công sức vì không có căn cứ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/12/2009, nguyên đơn bà Trần Tuấn A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 14/12/2009, bà Trần Thị Hiền là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đặng Thành X, có đơn kháng cáo, không đồng ý về việc Tòa án cấp sơ thẩm công nhận bà Đặng Thị T7 là con chung của ông Đặng Châu T6 và bà Nguyễn Thị C2; không đồng ý về việc xác định ông Kiệt là người thừa kế của bà Thời; việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 để giải quyết vụ án là không đúng pháp luật và không đồng ý về vấn đề xác định chi phí sửa chữa nhà khi chia thừa kế lại.

Ngày 10/12/2009 và 31/12/2009 ông Trương Hoàng T3 có đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung, không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Ngày 27/01/2010, bà Đặng Thị Lệ H có đơn kháng cáo, không đồng ý với quyết định của cấp sơ thẩm về phần thừa kế của bà Kim Sa, ông Phan Ngọc T4 và bà Phan Thị Ngọc T5.

Ngày 20/7/2011, bà Trần Tuấn A là người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Kim S1, có đơn kháng cáo, yêu cầu được nhận phần thừa kế mà bà Sa được hưởng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự có ý kiến như sau:

-Người kháng cáo là bà Trần Tuấn A (là nguyên đơn) yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà số 109 (số cũ: 1A) và căn nhà số 113/4 (số cũ: 3/4) LHP, phường H, quận N và đương sự yêu cầu được hưởng thừa kế bằng hiện vật;

-Người kháng cáo là ông Đặng Thành X (là bị đơn) do bà Trần Thị Hiền làm người đại diện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nêu trên và đã nêu tại đơn kháng cáo;

-Người kháng cáo là ông Trương Hoàng T3 (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) yêu cầu Tòa án không xem xét chia thừa kế đối với căn nhà số 113/1 (số cũ: 3/1) LHP, phường H, quận N bởi vì ông Thọ cho rằng căn nhà này đã được bán cho mẹ của ông Thọ, không còn là di sản nữa. Đối với căn nhà số 113 LHP, ông Thọ yêu cầu chia 50% cho riêng mẹ ông Thọ (là bà Đặng Thị A1) bởi vì mẹ ông Thọ là người có công trong việc đòi lại căn nhà này. Ông Thọ cũng yêu cầu Tòa án xác định lại diện tích các căn nhà số 109 và 113/5 LHP bởi vì Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng;

-Những đương sự khác có mặt tại phiên tòa phúc thẩm vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm;

-Những đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng cho đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, họ không có văn bản nào thể hiện sự thay đổi ý kiến đã được trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trình bày ý kiến như sau:

-Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Tuấn A cho rằng vợ-chồng ông Đặng Châu T6-bà Nguyễn Thị C2 có 05 người con, trong số đó có bà Đặng Thị T7. Vì vậy, bà Thời có quyền hưởng thừa kế di sản của ông Đặng Châu T6-bà Nguyễn Thị C2 theo quy định của pháp luật. Hiện nay, bà Trần Tuấn A có nhu cầu về chổ ở; các căn nhà thuộc di sản có tranh chấp đều có thể

chia bằng hiện vật cho các đương sự. Vì vậy, Luật sư đề nghị Tòa án cấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, chia căn nhà số 109 (số cũ: 1A) và căn nhà số 113/4 (số cũ: 3/4) LHP, phường H, quận N cho nguyên đơn bằng cách chia hiện vật;

-Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Đặng Thành X cho rằng theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì có căn cứ xác định rằng bà Đặng Thị T7 không phải là người con chung của ông Đặng Châu T6-bà Nguyễn Thị C2; bà Thời chỉ là người con riêng của bà Chẩn nên bà Thời chỉ được hưởng thừa kế từ di sản của bà Chẩn. Tại thời điểm mở thừa kế bà Chẩn, thì ông Kiệt (chồng bà Tuấn Anh) đã được cho người khác làm con nuôi, vì vậy ông Kiệt sẽ không được quyền thừa kế di sản của ông Tuấn-bà Chẩn nữa. Vào năm 1990, di sản của ông Tuấn-bà Chẩn đã được những người thừa kế hợp pháp (gồm có bà Đặng Thị A1, ông Đằng Thành Xuân, ông Đặng Tấn L1) thỏa thuận phân chia và đã phân chia xong theo văn bản thuận phân di sản ký kết giữa họ với nhau. Vì vậy, trường hợp của ông Kiệt (chồng của bà Tuấn Anh) được xem như trường hợp người thừa kế mới xuất hiện sau khi di sản đã được phân chia. Trong trường hợp đó, yêu cầu chia di sản của bà Tuấn Anh chỉ được xem xét chia bằng tiền, không thể chia lại bằng hiện vật.

Căn nhà số 113/1 LHP, phường H, quận N đã được ông Kiệt bán lại cho bà Đặng Thị A1 (là mẹ của ông Thọ), hai bên có lập văn bản, vì vậy không thể xem căn nhà này là di sản để phân chia một lần nữa. Luật sư cũng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc định giá chi phí sửa chữa nhà, việc định giá nhà của Tòa án cấp sơ thẩm.

Với những ý kiến nói trên, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến như sau:

-Về thủ tục tố tụng: Tòa án và các đương sự thực hiện thủ tục tố tụng;

-Về nội dung giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế chưa đúng và chưa đầy đủ, cụ thể là căn nhà số 113/2 LHP, phường H, quận N, một trong những căn nhà thuộc di sản của ông Đặng Châu T6-bà Nguyễn Thị C2 và có tranh chấp giữa các đương sự, nhưng hiện nay đã được bán cho ông Lý Quốc Vinh-bà Kiều Thị Nở vào tháng 09/2009 (theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 442/2009/UB.GCN ngày 25/09/2009 do Ủy ban nhân dân quận N cấp) trước khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án. Tuy nhiên, khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ sự việc này, không đưa ông Lý Quốc Vinh-bà Kiều Thị Nở tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là thiếu sót. Việc định giá trị nhà tranh chấp và xác định diện tích các căn nhà tranh chấp cũng chưa chính xác (không trừ ra phần diện tích không được công nhận quyền sở hữu).

Với những thiếu sót như đã nêu trên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]Về thủ tục tố tụng:

Vụ án "*Tranh chấp thừa kế*" giữa nguyên đơn là bà Trần Tuấn A, bà Nguyễn Hoàng Anh T, ông Nguyễn Hoàng Anh D và bị đơn là ông Đặng Thành X (và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác) được Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vào ngày 30/11/2009.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự có kháng cáo là bà Trần Tuấn A, ông Đặng Thành X, ông Trương Hoàng T3, bà Đặng Thị Lệ H và bà Nguyễn Kim S1.

Do có kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án vào ngày 15/08/2011.

Sau khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm, do có đương sự tham gia tố tụng đang ở nước ngoài, cần phải đợi kết quả ủy thác tư pháp và cần thiết phải thu thập thêm một số tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án, nên hôm nay Tòa án cấp phúc thẩm mới đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2]Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1]Về mối liên hệ giữa các đương sự trong vụ án này:

Vợ chồng ông Đặng Châu T6 (chết năm vào năm 1969)-bà Nguyễn Thị C2 (chết vào năm 1956) có 05 người con chung, kể tên như sau:

-Bà Đặng Thị T7;

-Bà Đặng Thị T8;

-Ông Đặng Tấn L1;

-Bà Đặng Thị A1;

-Ông Đặng Thành X.

Khi chết, ông Đặng Châu T6 và bà Nguyễn Thị C2 đều không có di chúc.

Bà Đặng Thị T7 (chết), có người con là Nguyễn Anh K (chết vào năm 2007); ông Nguyễn Anh K có vợ là bà Trần Tuấn A và có 03 người con là ông Nguyễn Hoàng Anh D, bà Nguyễn Hoàng Anh T và bà Nguyễn Hoàng Anh T10 (bà Nguyễn Hoàng Anh T10 chết vào năm 2008, có chồng là ông Đào Văn C1 và các người con là Đào Thanh S và Đào Minh H1).

Bà Đặng Thị T8 chết khi chưa có chồng và con.

Ông Đặng Tấn L1 có người vợ là bà Nguyễn Kim S1, hiện nay đang ở nước Pháp. Vợ chồng ông Đặng Tấn L1- Nguyễn Kim S1 có hai người con là bà Đặng Thị Lệ H và ông Đặng Phước T9 (ông Đặng Phước T9 đã chết, có hai người con là bà Phan Thị Ngọc T5 và ông Phan Ngọc T4; vợ ông T9 bỏ đi lấy chồng khác, không biết địa chỉ).

Bà Đặng Thị A1 (chết năm 2008), có chồng là ông Trương Quang T1 và có 03 người con là ông Trương Hoàng T2, ông Trương Hoàng T3 và ông Trương Hoàng L.

[2.2]Về tài sản tranh chấp giữa các đương sự:

Ông Đặng Châu T11 (chết vào năm 1969)-bà Nguyễn Thị C2 (chết vào năm

1956) để lại tài sản gồm có 07 căn nhà cùng ở đường LHP, phường H, quận N, thành phố Hồ Chí Minh, kể ra như sau:

-Căn nhà số 109 (số cũ 1A) do ông Đặng Thành C đang sử dụng;

-Căn nhà số 113 (số cũ 1C) do ông Trương Hoàng T3 đang sử dụng;

-Căn nhà số 115 (số cũ 3A) do ông Đặng Thành X đang sử dụng.

-Căn nhà số113/1 (số cũ 3/1) do ông Trương Hoàng T2 đang sử dụng;

-Căn nhà số 113/2 (số cũ 3/2) do ông Trương Hoàng T3 đang sử dụng;

-Căn nhà số 113/4 (số cũ 3/4) do ông Đặng Thành D1 đang sử dụng;

-Căn nhà số 113/5 (số cũ 3/5) do bà Đặng Thị Lệ H đã bán là 365.632.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, những tài sản nói trên, gồm có 6 căn nhà (chưa tính giá trị căn nhà đã bán) đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị là 2.309.260.9000 đồng.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm, theo lời khai của bà Trần Tuấn A, ông Trương Hoàng T3, ông Trường Hoàng Thiện và theo văn bản số 669 ngày 25/10/2018, văn bản số 670 ngày 25/10/2018 của Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Hồ Chí Minh cùng với những tài liệu, chứng cứ mà đương sự nộp bổ sung, thì có căn cứ xác định rằng trong những căn nhà tranh chấp nói trên, so với tình trạng khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, có 03 căn nhà đã có sự thay đổi hoàn toàn về cấu trúc và về chủ sở hữu, cụ thể như sau:

-Căn nhà số 113 (số cũ 1C) LHP, phường H, quận N được bản án sơ thẩm tuyên tạm giao cho ông Trương Hoàng T3 sử dụng và đương sự được quyền xác lập sở hữu sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, trong khi bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật, ông Trương Hoàng T3 đã phá bỏ nhà cũ, xây dựng mới hoàn toàn căn nhà này (hợp đồng thi công xây dựng ký kết vào ngày 09/04/2012 và ngày 15/05/2012) và đương sự cũng đã được Ủy ban nhân dân quận N cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu vào ngày 01/07/2013 (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN598299);

-Căn nhà số 113/1 (số cũ 3/1) LHP, phường H, quận N được bản án sơ thẩm

tuyên tạm giao cho ông Trương Hoàng T2 sử dụng và đương sự được quyền xác lập sở hữu sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, trong khi bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật, ông Trương Hoàng T2 đã bán căn nhà này cho người khác (việc bán nhà đã xảy ra được 3-4 năm). Sau khi bán nhà, ông Trương Hoàng T2 dùng một phần tiền để xây dựng lại căn nhà số 113 LHP, phường H, quận N và dùng một phần tiền khác để trả nợ; ông Trương Hoàng T2 chưa cung cấp được hợp đồng bán nhà để xác định về người chủ nhà hiện nay;

-Căn nhà số 113/2 (số cũ 3/2) LHP, phường H, quận N được bản án sơ thẩm tuyên tạm giao cho ông Trương Hoàng T3 sử dụng và đương sự được quyền xác lập sở hữu sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, trước khi xét xử sơ thẩm (xét xử sơ thẩm vào ngày 30/11/2009) thì vào ngày 25/09/2009, căn nhà số 113/2 (số cũ 3/2) LHP, phường H, quận N được Ủy ban nhân dân quận N cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở cho ông Lý Quốc Vinh (sinh năm 1987) và bà Kiều Thị Nở (sinh năm 1986) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 442 ngày 25/09/2009; ông Lý Quốc Vinh cũng được cấp giấy phép xây dựng lại căn nhà này theo giấy phép xây dựng số 1087 ngày 11/11/2009.

Như vậy, riêng đối với căn nhà số 113/2 (số cũ 3/2) LHP, phường H, quận N, thì có căn cứ xác định rằng khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, căn nhà này đã có sự thay đổi rõ ràng về chủ sở hữu và người chủ sở hữu này (là ông Lý Quốc Vinh-bà Kiều Thị Nở) không được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]Như vậy, cho đến nay, theo lời khai của bà Trần Tuấn A, ông Trương Hoàng T3, ông Trường Hoàng Thiện và theo văn bản số 669 ngày 25/10/2018, văn bản số 670 ngày 25/10/2018 của Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Hồ Chí Minh cùng với những tài liệu, chứng cứ mà đương sự nộp bổ sung, Tòa án cấp phúc thẩm có căn cứ xác định rằng trong những căn nhà tranh chấp nói trên, so với tình trạng khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, thì có 03 căn nhà đã có sự thay đổi hoàn toàn về cấu trúc và thay đổi về chủ sở hữu nhà. Do có sự thay đổi về cấu trúc nhà và về chủ sở hữu nhà nên Tòa án cần thiết phải thu thập

thêm tài liệu, chứng cứ để xác định lại về giá trị tài sản tranh chấp, xác định lại về người tham gia tố tụng để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Những sự việc này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện, không thể thực hiện bổ sung tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 270; Điều 293; Điều 308; Điều 313 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh về Án phí, Lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1/Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 3475/2009/DSST ngày 30/11/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án.

2/Về án phí dân sự phúc thẩm: -đương sự không phải chịu; trả lại cho bà Dang Yvonne Nguyen Kim (Nguyễn Kim S1), bà Trần Tuấn A, ông Đặng Thành X (do bà Trần Thị Hiền làm đại diện), bà Đặng Thị Lệ H, ông Trương Hoàng T3, mỗi người số tiền là 200.000 đồng theo biên lai thu số 09247, ngày 20/07/2011 (do bà Trần Tuấn A nộp); số 013956 ngày 27/01/2010; số 013639 ngày 15/12/2009; số 013638 ngày 15/12/2009; số 013597 ngày 08/12/2009 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phan Thanh Tùng